

GIẤY PHÉP THĂM DÒ NƯỚC DƯỚI ĐẤT

CHỦ TỊCH UBND TỈNH THANH HOÁ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/6/2012;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 27/2014/TT-BTNMT ngày 30/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường về Quy định việc đăng ký khai thác nước dưới đất, mẫu hồ sơ cấp, gia hạn, điều chỉnh, cấp lại giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 56/2014/TT-BTNMT ngày 24/9/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định điều kiện về năng lực của tổ chức, cá nhân thực hiện điều tra cơ bản tài nguyên nước, tư vấn lập quy hoạch tài nguyên nước, lập đề án, báo cáo trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép tài nguyên nước;

Căn cứ Quyết định số 3074/2013/QĐ-UBND ngày 30/8/2013 của UBND tỉnh Thanh Hóa ban hành Quy định về quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ Quyết định số 3635/QĐ-UBND ngày 16/10/2013 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa phê duyệt kết quả thực hiện dự án “Xây dựng cơ sở dữ liệu tài nguyên nước tỉnh Thanh Hóa”;

Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép thăm dò nước dưới đất ngày 05/6/2016 của Công ty TNHH Giấy ANNORA Việt Nam và Hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường Thanh Hoá tại Tờ trình số 1190/TTr- STNMT ngày 08/11/2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty TNHH Giấy ANNORA Việt Nam được thăm dò nước dưới đất tại xã Xuân Lâm (thuộc Khu Kinh tế Nghi Sơn), huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hoá, với các nội dung sau:

1. Mục đích thăm dò: Thăm dò nước dưới đất để tìm kiếm nguồn nước cấp cho hoạt động của Nhà máy sản xuất giấy ANNORA, tại xã Xuân Lâm, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa.

2. Quy mô thăm dò:

- Số lượng giếng thăm dò: 02 giếng.
- Tổng lưu lượng nước thăm dò: 900 m³/ngày đêm.

3. Vị trí công trình thăm dò: Vị trí công trình thăm dò nằm trong khu đất của Nhà máy sản xuất giấy ANNORA, tại xã Xuân Lâm (thuộc Khu Kinh tế Nghi Sơn), huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa với tổng diện tích 217.504 m².

Toạ độ các điểm góc giới hạn phạm vi bố trí công trình thăm dò (theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trục 105, múi chiếu 3⁰), như sau:

Điểm	Toạ độ các điểm góc	
	X (m)	Y (m)
M1	2148753,29	580957,57
M2	2148493,73	581480,40
M3	2148186,26	581388,94
M4	2148347,66	580927,16
M5	2148418,65	580786,88
Diện tích khu vực thăm dò: 217.504 m ²		

4. Tầng chứa nước thăm dò: Chiều sâu dự kiến của giếng thăm dò từ 50-130m/giếng; Thăm dò trong tầng chứa nước lỗ hổng trầm tích Pleistocen.

5. Khối lượng các hạng mục thăm dò chủ yếu:

(Có Bảng tổng hợp khối lượng thăm dò kèm theo)

6. Thời hạn của Giấy phép là: Hai (02) năm, kể từ ngày ký Giấy phép.

Điều 2. Các yêu cầu cụ thể đối với Công ty TNHH Giấy ANNORA Việt Nam:

1. Tuân thủ các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này;
2. Chỉ được phép thi công thăm dò nước dưới đất trong giới hạn phạm vi khu vực, diện tích quy định tại mục 3 nêu trên và thực hiện các nghĩa vụ liên quan về đất đai trong quá trình thăm dò nước dưới đất theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.
3. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ theo quy định tại Khoản 4 Điều 14 Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27/11/2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước năm 2012, cụ thể:
 - a) Tuân thủ các nội dung theo Đề án thăm dò nước dưới đất được phê duyệt; Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành liên quan đến thiết kế, thi công công trình thăm dò;
 - b) Việc thăm dò phải đảm bảo không làm ảnh hưởng đến hoạt động của các tổ chức, cá nhân khác trong khu vực có liên quan đến việc khai thác, sử dụng nước dưới đất đã được cấp có thẩm quyền cho phép theo quy định;
 - c) Thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn cho người và công trình thăm dò nước dưới đất; bảo đảm phòng, chống sụt, lún đất, ô nhiễm các tầng chứa nước;
 - d) Thực hiện các biện pháp để bảo vệ nguồn nước dưới đất và môi trường xung quanh khu vực thăm dò (Quy định về bảo vệ nước dưới đất ban

hành kèm theo Quyết định số 15/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 của Bộ Tài nguyên và Môi trường);

e) Trám, lấp giếng hồng, không sử dụng sau khi kết thúc thăm dò (*Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 14/2007/QĐ-BTNMT ngày 04/9/2007 của Bộ Tài nguyên và Môi trường*);

f) Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thi công công trình thăm dò nước dưới đất, trường hợp phát hiện có vi phạm phải dừng ngay việc thăm dò, nếu gây thiệt hại phải bồi thường theo quy định của pháp luật; Chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật nếu để xảy ra sự cố trong quá trình thăm dò nước dưới đất;

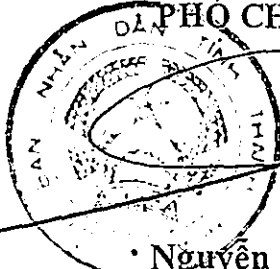
g) Chịu sự kiểm tra, giám sát của Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Tĩnh Gia trong quá trình thăm dò; Trường hợp xảy ra sự cố gây ô nhiễm nguồn nước, sụt lún đất phải dừng ngay việc thi công thăm dò, báo cáo về Sở Tài nguyên và Môi trường, chính quyền địa phương để có biện pháp xử lý kịp thời.

h) Giao nộp đầy đủ tài liệu, báo cáo kết quả thăm dò về Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Thanh Hóa sau khi hoàn thành việc thăm dò nước dưới đất tại khu vực đề nghị thăm dò (*theo Bảng tổng hợp khối lượng thăm dò*).

Điều 3. Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký. Chậm nhất chín mươi (90) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty TNHH Giấy ANNORA Việt Nam còn tiếp tục thăm dò nước dưới đất như quy định tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn giấy phép theo quy định./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Giấy ANNORA Việt Nam;
- Cục Quản lý TNN-Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường (10 bản);
- UBND huyện Tĩnh Gia;
- Các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH 

Nguyễn Đức Quyền

**BẢNG TỔNG HỢP KHỐI LƯỢNG
CÁC HẠNG MỤC CÔNG TÁC THĂM DÒ CHỦ YẾU**
(Kèm theo Giấy phép số: H-1 /GP-UBND ngày 10 /11/2016
của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa)

TT	Dạng công tác	Đơn vị tính	Khối lượng	Ghi chú
I	Lập đề án thăm dò	Đề án	1	
II	Thi công đề án thăm dò			
1	<i>Công tác thu thập tài liệu</i>			
-	Số liệu khí tượng thủy văn	Yếu tố/năm	08	
-	Số liệu địa chất thủy văn	Yếu tố/năm	03	
2	<i>Công tác khảo sát địa vật lý</i>			
-	Đo sâu điện	Điểm	30	
3	<i>Công tác trắc địa</i>	Điểm	30	
4	<i>Công tác khoan và kết cấu giếng khoan</i>			
-	Khoan thăm dò đường kính d = 110	m/lỗ khoan	200/2	
-	Khoan mở rộng đường kính d = 168	m/lỗ khoan	240/2	
-	ống chống Φ127	m	150/2	
-	ống lọc Φ127	m	90/2	
5	<i>Công tác thí nghiệm bơm thí nghiệm</i>			
-	Bơm thổi rửa	ca máy/lỗ khoan	06/2	
-	Hút nước giặt cấp	ca máy/lỗ khoan	03/2	
-	Hút nước thí nghiệm đơn 3 lần hạ thấp	ca máy/lỗ khoan	81/2	
-	Hút nước thí nghiệm nhóm	ca máy/lỗ khoan	15/2	
-	Đo hồi thủy	ca /lỗ khoan	9/2	
6	<i>Công tác lấy mẫu và phân tích mẫu nước</i>			
6.1	<i>Lấy mẫu và phân tích mẫu nước ngầm</i>			
-	Mẫu toàn diện	mẫu	04	
-	Mẫu kim vi lượng	mẫu	04	
-	Mẫu phân tích vi sinh	mẫu	04	
6.1	<i>Lấy mẫu và phân tích mẫu nước mặt</i>	mẫu	02	
7	<i>Số liệu, tài liệu, kết quả thăm dò</i>	Bộ	01	
8	<i>Báo cáo kết quả thăm dò</i>	Báo cáo	01	
9	<i>Lắp thiết bị bơm nước lỗ khoan</i>	LK	02	